



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
GIÁO DỤC TẠI TP HỒ CHÍ MINH
Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 29

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 17 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24/01/2025 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2024 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,28% vốn điều lệ.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 363 Hưng Phú, Phường Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 28.39540600
- Fax: (84) 28.39540598
- Website: www.sgd.edu.vn

Lĩnh vực kinh doanh chính

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất điện.

Trong các năm gần đây, Ban Quản trị Công ty đã quyết định giảm quy mô hoạt động trong ngành nghề truyền thống là trực tiếp kinh doanh sách. Thay vào đó, Công ty tăng cường tìm kiếm cơ hội đầu tư tài chính bằng cách mua cổ phần/vốn góp của các doanh nghiệp khác; Trong đó, ưu tiên đầu tư vốn vào các công ty kinh doanh sách, giáo dục và năng lượng điện.

Nhân sự

Tổng số nhân viên đến cuối niên độ kế toán là 8 người. Trong đó nhân viên quản lý là 1 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong niên độ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|---------------------|----------|------------------------------|
| Ông Ngô Trọng Vinh | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 28/03/2024 |
| Ông Nguyễn Trọng Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 28/03/2024 |

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- | | | |
|----------------------------|---------|--------------------------------------------------------|
| • Bà Lâm Quỳnh Hương | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 28/03/2024 |
| • Bà Lê Thị Tuyết Minh | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 28/03/2024 |
| • Bà Vương Thị Thanh Huyền | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 28/03/2024 |
| • Ông Ngô Anh Phương | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019
Miễn nhiệm ngày 28/03/2024 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|--------------------------|------------|------------------------------------------------------------|
| • Bà Ngô Thị Thanh Huyền | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 23/03/2024 |
| • Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 28/03/2024 |
| • Bà Nguyễn Thị Mai | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 28/03/2024 |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019
Miễn nhiệm ngày 28/03/2024 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|------------------------|-------------------|--------------------------|
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Đào Thị Thanh Ban | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 04/05/2023 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Ngô Trọng Vinh

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Số 218 (Lô 78-80) Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 459/2025/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 25/03/2025 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến vấn đề trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính năm 2024 của riêng Công ty mẹ. Báo cáo tài chính này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

T.N.H.H
KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN
AAC

Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2023-010-1
Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2025



Lê Quý An – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5185-2021-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.115.418.147	8.595.212.984
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	493.323.812	475.431.721
1. Tiền	111		493.323.812	475.431.721
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.213.195.916	1.162.605.733
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.a	2.342.446.821	2.342.446.821
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6.a	(1.129.250.905)	(1.179.841.088)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.684.756.036	3.436.873.250
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.778.856.783	1.825.330.427
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	62.307.700	62.307.700
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	3.000.000.000	2.450.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	504.741.568	498.998.655
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(1.661.150.015)	(1.399.763.532)
IV. Hàng tồn kho	140	12	1.244.614.844	3.081.614.608
1. Hàng tồn kho	141		3.193.684.430	3.482.152.992
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.949.069.586)	(400.538.384)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		479.527.539	438.687.672
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.492.335	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	458.035.204	438.687.672
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		39.760.440.648	39.918.309.908
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		8.584.231.614	8.740.100.874
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	2.116.074.742	2.271.944.002
- Nguyên giá	222		4.834.809.472	4.834.809.472
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.718.734.730)	(2.562.865.470)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	6.468.156.872	6.468.156.872
- Nguyên giá	228		6.468.156.872	6.468.156.872
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6.b	31.172.875.700	31.172.875.700
1. Đầu tư vào công ty con	251		26.172.875.700	26.172.875.700
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		5.000.000.000	5.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.333.334	5.333.334
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.333.334	5.333.334
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		46.875.858.795	48.513.522.892

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.535.192.746	2.502.613.884
I. Nợ ngắn hạn	310		2.490.192.746	2.460.613.884
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	2.036.951.416	1.936.751.826
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	6.825.809	6.825.822
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	3.000.000	133.997.019
4. Phải trả người lao động	314		115.800.000	50.275.438
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	314.481.000	314.481.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	13.134.521	18.282.779
II. Nợ dài hạn	330		45.000.000	42.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	45.000.000	42.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		44.340.666.049	46.010.909.008
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	44.340.666.049	46.010.909.008
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	2.227.438.218	2.227.438.218
3. Cổ phiếu quỹ	415	20	(679.873.904)	(679.873.904)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	851.634.920	851.634.920
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	571.466.815	2.241.709.774
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.241.709.774	2.201.323.873
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.670.242.959)	40.385.901
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		46.875.858.795	48.513.522.892

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Ngô Trọng Vinh

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Đào Thị Thanh Ban

Đào Thị Thanh Ban

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	793.947.620	2.664.631.330
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	8.187.510
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	10		793.947.620	2.656.443.820
4. Giá vốn hàng bán	11	22	2.181.059.351	2.558.672.612
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dịch vụ	20		(1.387.111.731)	97.771.208
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.442.696.999	1.275.573.720
7. Chi phí tài chính	22	24	(50.590.183)	(24.382.483)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	-	-
8. Chi phí bán hàng	25	25.a	552.012.023	292.972.578
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.b	1.022.199.061	1.224.306.222
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.468.035.633)	(119.551.389)
11. Thu nhập khác	31		-	164.608.515
12. Chi phí khác	32	26	202.207.326	4.671.225
13. Lợi nhuận khác	40		(202.207.326)	159.937.290
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.670.242.959)	40.385.901
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(1.670.242.959)	40.385.901

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Ngô Trọng Vinh

Đào Thị Thanh Ban

Đào Thị Thanh Ban

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(1.670.242.959)	40.385.901
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	14	155.869.260	191.792.744
- Các khoản dự phòng	03		1.759.327.502	186.539.113
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	23	(1.442.696.999)	(1.428.420.121)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.197.743.196)	(1.009.702.363)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.101.823	1.407.614.580
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	12	288.468.562	509.455.470
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		32.578.862	(1.932.650.187)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.000.000	(5.158.677)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	(131.250.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(568.705.174)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(867.593.949)	(1.730.396.351)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		-	592.909.091
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.150.000.000)	(1.350.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		4.600.000.000	2.900.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10,23	1.435.486.040	1.368.103.720
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		885.486.040	3.511.012.811
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(4.042.762.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(4.042.762.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		17.892.091	(2.262.146.040)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	475.431.721	2.737.577.761
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	493.323.812	475.431.721

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Ngô Trọng Vinh

Đào Thị Thanh Ban

Đào Thị Thanh Ban

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 17 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24/01/2025 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất điện;

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có 2 công ty con và 2 công ty liên kết:

- Các công ty con
 - ✓ Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long
Địa chỉ: Số 23 đường Lê Văn Tám, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
Ngành nghề kinh doanh chính: Phát hành các loại sách dùng trong nhà trường, phân phối cung ứng các loại thiết bị trường học.
Tỷ lệ sở hữu: 80,99%
 - ✓ Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai
Địa chỉ: Số 10 Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán sách giáo khoa, sách bài tập, sách tham khảo, các loại ấn phẩm, cung ứng thiết bị trường học.
Tỷ lệ sở hữu: 55,99%
- Các công ty liên kết:
 - ✓ Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam
Địa chỉ: Nhà D tầng 2, khu văn phòng Vinaconex 1, 289 A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất điện.
Tỷ lệ sở hữu: 25%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Công ty CP Đầu tư Giáo dục Lê Thanh. Đây là doanh nghiệp do Công ty con (Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long) sở hữu 49% vốn góp.
Địa chỉ: Lầu 1, số 64 đường Lê Văn Tám, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.
Ngành nghề kinh doanh chính: Giáo dục mầm non.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các công ty con. Theo các quy định hiện hành, cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty cần lập đồng thời Báo cáo tài chính của riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng Báo cáo cần đọc Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mỗi quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	3
Phương tiện vận tải truyền dẫn	Hết khấu hao

4.6 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp để có quyền sử dụng đất hợp pháp.

Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty là chi phí trả trước khác. Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.13 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.14 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, các khoản đầu tư tài chính và phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%.
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền mặt	5.104.844	4.422.350
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	488.218.968	471.009.371
Cộng	493.323.812	475.431.721

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Chứng khoán kinh doanh	2.342.446.821	1.213.209.339	1.129.250.905	2.342.446.821	1.162.635.156	1.179.841.088
+ Công ty CP sách GD TP Hà Nội (EBS)	95.577	109.000	-	95.578	125.000	-
+ Công ty CP Sông Đà 4 (SD4)	36.365.340	8.768.267	27.597.073	36.365.340	7.800.000	28.565.340
+ Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (VE8)	992.861.234	402.960.000	589.901.234	992.861.234	420.480.000	572.381.234
+ Công ty CP Tập đoàn FLC (FLC)	516.670	516.670	-	516.670	516.670	-
+ Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (VLC)	1.312.608.000	800.855.402	511.752.598	1.312.608.000	733.713.486	578.894.514
Cộng	2.342.446.821	1.213.209.339	1.129.250.905	2.342.446.821	1.162.635.156	1.179.841.088

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2024					01/01/2024				
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con					26.172.875.700	-			26.172.875.700	-
- Công ty CP Sách và TBTH Đồng Nai	Đang hoạt động	55,99%	55,99%	925.300	11.445.035.700	-	55,99%	55,99%	11.445.035.700	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long (*)	Đang hoạt động	80,99%	80,99%	1.487.060	14.727.840.000	-	80,99%	80,99%	14.727.840.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết					5.000.000.000	-			5.000.000.000	-
- Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam	Đang hoạt động	25%	25%	500.000	5.000.000.000	-	25%	25%	5.000.000.000	-
Cộng					31.172.875.700	-			31.172.875.700	-

(*) Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh long thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu theo Quyết định số 11/QĐ.ĐHĐCĐ.2024 ngày 10/04/2024, tỷ lệ chia cổ tức là 8%. Theo đó, Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh nhận thêm số cổ phiếu là 110.153 cổ phiếu.

Cổ phiếu của các Công ty nhận đầu tư đều chưa được niêm yết và Công ty cũng không có được dữ liệu đáng tin cậy nào về thị giá của các khoản đầu tư nêu trên. Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư. Báo cáo tài chính năm 2024 cho thấy các Công ty nhận đầu tư này không có lỗ lũy kế nên Công ty không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH Thiết bị & Đo đạc Chu Lê	551.406.522	551.406.522
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Đắk Nông	390.236.848	390.236.848
Văn Phòng Phẩm Phương Vy	278.439.980	278.439.980
Các đối tượng khác	558.773.433	605.247.077
Cộng	1.778.856.783	1.825.330.427

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Đầu tư và Công nghệ Phương Đông	36.511.182	36.511.182
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP Hồ Chí Minh (bên liên quan)	17.719.518	17.719.518
Các đối tượng khác	8.077.000	8.077.000
Cộng	62.307.700	62.307.700

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Bà Lê Thị Tuyết Nhung (bên liên quan) (*)	1.600.000.000	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long (bên liên quan) (**)	1.400.000.000	-
Công ty CP Đầu tư CMC (bên liên quan)	-	2.450.000.000
Cộng	3.000.000.000	2.450.000.000

(*) Cho Bà Lê Thị Tuyết Nhung vay theo hợp đồng vay vốn số 05/SGD-LTTN/2024/HĐVV ngày 14/11/2024. Số tiền vay: 1.600.000.000 đồng. Thời hạn vay: 3 tháng. Lãi suất vay: 3,5%/năm. Khoản nợ này đã được thu hồi ngày .../3/2025.

(**) Cho Công ty CP Sách – Thiết bị Vĩnh Long vay theo hợp đồng vay vốn số 03/SGD- ngày 04/07/2024. Số tiền vay: 2.100.000.000 đồng. Thời hạn vay: 6 tháng. Lãi suất vay: 6,5%/năm.

10. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Cổ tức phải thu	462.650.000	-	462.650.000	-
- Công ty CP Sách và TBTH	462.650.000	-	462.650.000	-
Đồng Nai (bên liên quan)				
Tạm ứng	26.000.000	-	33.179.215	-
Lãi dự thu	7.210.959	-	-	-
- Bà Lê Thị Tuyết Nhung (bên liên quan)	7.210.959	-	-	-
Phải thu khác	8.880.609	-	3.169.440	-
Cộng	504.741.568	-	498.998.655	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2024	Năm 2023
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi đầu năm	1.399.763.532	1.474.700.082
Trích lập trong năm	261.386.483	-
Hoàn nhập dự phòng	-	74.936.550
Số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn hạn cuối năm	1.661.150.015	1.399.763.532

12. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	22.484.364	-	22.484.364	-
Chi phí SX, KD dở dang	-	-	190.533.118	-
Thành phẩm	1.749.732.206	1.056.681.405	1.782.526.678	196.838.646
Hàng hóa	1.421.467.860	892.388.181	1.486.608.832	203.699.738
Cộng	3.193.684.430	1.949.069.586	3.482.152.992	400.538.384

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2024 là 1.949.069.586 đồng.
- Không có hàng tồn kho dùng để cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 31/12/2024.

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	3.531.966.825	258.654.620	1.044.188.027	4.834.809.472
Mua sắm trong năm	-	-	-	-
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối năm	3.531.966.825	258.654.620	1.044.188.027	4.834.809.472
Khấu hao				
Số đầu năm	1.370.025.030	148.652.413	1.044.188.027	2.562.865.470
Khấu hao trong năm	127.173.276	28.695.984	-	155.869.260
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	1.497.198.306	177.348.397	1.044.188.027	2.718.734.730
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	2.161.941.795	110.002.207	-	2.271.944.002
Số cuối năm	2.034.768.519	81.306.223	-	2.116.074.742

- Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 1.454.605.684 đồng.
- Không có tài sản cố định dùng để cầm cố, thế chấp đảm bảo các khoản nợ vay tại ngày 31/12/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất lâu dài tại số nhà 363 Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với Nguyên giá 6.468.156.872 đồng và diện tích 151,2 m².

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam - Chi nhánh tại TP.HCM	674.109.743	674.109.743
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	477.435.915	477.435.915
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	103.930.000	198.407.200
Các đối tượng khác	781.475.758	586.798.968
Cộng	2.036.951.416	1.936.751.826

Trong đó: Phải trả người bán là các bên có liên quan

Công ty liên quan	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	98.406.960	-
Cộng	98.406.960	-

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH Thiết bị Giáo dục An Phú Hưng	3.000.000	3.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thái Bình Lâm Đồng	2.938.950	2.938.950
Nhà Sách Nghiệp (Bến Tre)	184.782	184.782
Các đối tượng khác	702.077	702.090
Cộng	6.825.809	6.825.822

17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Cuối năm	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuê GTGT	104.040.296	-	-	-	104.040.296	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	133.997.019	19.305.999	172.650.550	19.347.532	-
Thuế TNDN	334.647.376	-	-	-	334.647.376	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	-	-	3.000.000
Cộng	438.687.672	133.997.019	22.305.999	172.650.550	458.035.204	3.000.000

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí bản thảo, biên tập	249.481.000	249.481.000
Chi phí khác	65.000.000	65.000.000
Cộng	314.481.000	314.481.000

19. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Bảo hiểm và kinh phí công đoàn	787.640	3.765.091
Cổ tức phải trả	5.828.500	5.828.500
Phải trả khác	6.518.381	8.689.188
Cộng	13.134.521	18.282.779

b. Dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	45.000.000	42.000.000
Cộng	45.000.000	42.000.000

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2023	41.370.000.000	2.227.438.218	(679.873.904)	4.894.634.920	2.201.323.873
Tăng trong năm	-	-	-	-	40.385.901
Giảm trong năm	-	-	-	4.043.000.000	-
Số dư tại 31/12/2023	41.370.000.000	2.227.438.218	(679.873.904)	851.634.920	2.241.709.774
Số dư tại 01/01/2024	41.370.000.000	2.227.438.218	(679.873.904)	851.634.920	2.241.709.774
Tăng trong năm	-	-	-	-	(1.670.242.959)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	41.370.000.000	2.227.438.218	(679.873.904)	851.634.920	571.466.815

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.137.000	4.137.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	94.000	94.000
- Cổ phiếu phổ thông	94.000	94.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	2.241.709.774	2.201.323.873
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	(1.670.242.959)	40.385.901
Phân phối lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	571.466.815	2.241.709.774

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu sách giáo khoa, sách tham khảo	713.795.734	2.623.901.687
Doanh thu khác	80.151.886	40.729.643
Cộng	793.947.620	2.664.631.330

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	603.832.164	2.244.118.480
Giá vốn hoạt động khác	28.695.985	28.695.986
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.548.531.202	285.858.146
Cộng	2.181.059.351	2.558.672.612

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi, cho vay	174.323.999	290.415.220
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.268.373.000	985.158.500
Cộng	1.442.696.999	1.275.573.720

24. Chi phí tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(50.590.183)	(24.382.483)
Cộng	(50.590.183)	(24.382.483)

25. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng

	Năm 2024	Năm 2023
Tiền lương và các khoản trích theo lương	550.625.994	233.376.643
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	-	60.232.780
Chi phí phát triển thị trường	-	(11.723.019)
Các khoản khác	1.386.029	11.086.174
Cộng	552.012.023	292.972.578

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
Tiền lương và các khoản trích theo lương	218.204.010	900.613.315
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	261.386.483	(74.936.550)
Các khoản khác	542.608.568	398.629.457
Cộng	1.022.199.061	1.224.306.222

26. Chi phí khác

	Năm 2024	Năm 2023
Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	8.159.800	4.671.225
Các khoản khác	194.047.526	-
Cộng	202.207.326	4.671.225

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2024	Năm 2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.670.242.959)	40.385.901
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(1.058.171.859)	(978.161.481)
- Điều chỉnh tăng	275.201.141	71.997.019
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	202.041.341	2.325.794
+ Các khoản trích trước vào chi phí năm nay theo chế độ kế toán nhưng chưa được đưa vào chi phí tính thuế	65.000.000	65.000.000
+ Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	8.159.800	4.671.225
- Điều chỉnh giảm	1.333.373.000	1.050.158.500
+ Cổ tức lợi nhuận được chia	1.268.373.000	985.158.500
+ Các khoản trích trước vào chi phí năm trước theo chế độ kế toán nhưng chưa được đưa vào chi phí tính thuế	65.000.000	65.000.000
Tổng thu nhập tính thuế	(2.728.414.818)	(937.775.580)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nhân công	768.830.004	1.133.989.958
Chi phí khấu hao tài sản cố định	155.869.260	191.792.744
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	52.158.089
Chi phí khác bằng tiền	416.821.323	242.970.545
Cộng	1.341.520.587	1.620.911.336

29. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

30. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá, rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

động lớn về giá và lãi suất.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản và đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty bao gồm các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, các đại lý, Sở giáo dục, trường học và một số Công ty không nằm trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

- Đối với khách hàng là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.
- Đối với khách hàng là các đại lý, Sở Giáo dục, trường học và các Công ty không thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Công ty có quy định chặt chẽ về điều khoản thanh toán trong hợp đồng mua bán, theo đó quy định hạn mức nợ tối đa cho phép của khách hàng. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng với chính sách về tín dụng được quy định cụ thể như vậy sẽ giảm thiểu được rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó.

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.036.951.416	-	2.036.951.416
Chi phí phải trả	314.481.000	-	314.481.000
Phải trả khác	12.346.881	45.000.000	57.346.881
Cộng	2.363.779.297	45.000.000	2.408.779.297
01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.936.751.826	-	1.936.751.826
Chi phí phải trả	314.481.000	-	314.481.000
Phải trả khác	14.517.688	42.000.000	56.517.688
Cộng	2.265.750.514	42.000.000	2.307.750.514

Chủ tịch Hội đồng Quản trị cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

sau:

31/12/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	493.323.812	-	493.323.812
Đầu tư tài chính	1.213.195.916	-	1.213.195.916
Phải thu khách hàng	117.706.768	-	117.706.768
Phải thu về cho vay	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Phải thu khác	478.741.568	-	478.741.568
Cộng	5.302.968.064	-	5.302.968.064

01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	475.431.721	-	475.431.721
Đầu tư tài chính	1.162.605.733	-	1.162.605.733
Phải thu khách hàng	425.566.895	-	425.566.895
Phải thu về cho vay	2.450.000.000	-	2.450.000.000
Phải thu khác	465.819.440	-	465.819.440
Cộng	4.979.423.789	-	4.979.423.789

31. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục") Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai	Đơn vị trực thuộc của công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long	Công ty con
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam	Công ty con
Bà Lê Thị Tuyết Nhung	Công ty liên kết Vợ Chủ tịch HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm tài chính

Công ty liên quan	Năm 2024	Năm 2023
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Đồng Nai		
- Bán hàng	3.083.800	12.724.160
- Cổ tức	740.250.000	462.650.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội		
- Mua hàng	198.406.960	164.862.500
- Cổ tức được nhận	8.000	8.500
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long		
- Lãi cho vay	73.156.167	-
- Cho vay	3.150.000.000	-
- Thu hồi khoản cho vay	1.750.000.000	-
Công ty CP Đầu tư CMC		
- Lãi cho vay	93.252.876	288.143.835
- Cho vay	400.000.000	1.350.000.000
- Thu hồi khoản cho vay	2.850.000.000	2.900.000.000
Bà Lê Thị Tuyết Nhung		
- Cho vay	1.600.000.000	-
- Lãi cho vay	7.210.959	-
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam		
- Cổ tức được nhận	500.000.000	500.000.000

c. Thù lao, lương thưởng của cấp quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Nội dung	Năm 2024	Năm 2023
Ngô Trọng Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	101.904.000	290.976.700

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 ngày 28/03/2024 đã phê duyệt kế hoạch chi trả thù lao đối với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2024 là 7% lợi nhuận sau thuế nhưng không thấp hơn 200 triệu đồng. Do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024 thấp, HĐQT công ty đã có Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT ngày 17/03/2025 về việc không trích và chi trả thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát và sẽ xin phê duyệt tại Đại hội cổ đông sắp đến.

32. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi AAC.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Ngô Trọng Vinh

Đào Thị Thanh Ban

Đào Thị Thanh Ban

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025